

TRƯỜNG THCS VĂN LANG
NHÓM ĐỊA

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI LAI

MÔN: ĐỊA LÍ 8

NĂM HỌC: 2022 – 2023

I/ TỰ LUẬN :

Câu 1: Biển đã đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với kinh tế và đời sống của nhân dân ta?

- *Thuận lợi:*

- + Biển nước ta rất giàu hải sản, có nhiều vũng, vịnh, tạo điều kiện cho nước ta phát triển ngành đánh bắt và nuôi trồng hải sản, phát triển giao thông vận tải trên biển.
- + Cảnh quan ven bờ tạo điều kiện phát triển du lịch.
- + Các khoáng sản như dầu khí, cát trắng ... cung cấp nguyên liệu và vật liệu.
- + Biển còn tạo điều kiện cho phát triển nghề muối.

- *Khó khăn:*

- + Biển nước ta chịu ảnh hưởng của các cơn bão gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản, nhất là với cư dân sống ở vùng ven biển. nguy hiểm cho giao thông, cho hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân ở vùng ven biển.
- + Thủy triều phức tạp (chỗ nhật triều, chỗ bán nhật triều) gây khó khăn cho giao thông.
- + Đôi khi biển còn gây sóng lớn hoặc nước dâng ảnh hưởng tới đời sống nhân dân ven biển.
- + Tình trạng sụt lở bờ biển và tình trạng cát bay, cát lún, lún chiếm ruộng vườn, làng mạc và làm hoang mạc hóa đất đai. ở Duyên hải miền Trung.

Câu 2: Trình bày đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam.

- Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên phạm vi cả nước.
- Sông ngòi nước ta chảy theo 2 hướng chính: tây bắc – đông nam và vòng cung (*kể tên các con sông*)
- Sông ngòi nước ta có 2 mùa rõ rệt, mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt.
- Sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn.

Câu 3: Nêu 1 số biện pháp phòng tránh thiên tai ở nước ta.

Câu 4: Vẽ biểu đồ thể hiện lượng mưa và lưu lượng của các lưu vực sông.

Ví dụ:

LƯỢNG MƯA VÀ LƯU LƯỢNG TẠI LƯU VỰC SÔNG HỒNG

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	19,5	25,6	34,5	104	222	262	316	335	272	170	60	18
Lưu lượng (m ³ /s)	1318	1100	914	1071	1893	4692	7986	9246	6690	4122	2813	1746

Vẽ biểu đồ cột kết hợp đường thể hiện chế độ mưa và chế độ dòng chảy của lưu vực sông Hồng.

Ví dụ:

LƯỢNG MƯA VÀ LƯU LƯỢNG TẠI LƯU VỰC SÔNG GIANG

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	50	34	47	66	104	170	136	209	530	582	231	67
Lưu lượng	28	19	17	10	28	36	40	58	185	178	94	43

(m ³ /s)												
---------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Vẽ biểu đồ cột kết hợp đường thể hiện chế độ mưa và chế độ dòng chảy của lưu vực sông Gianh.

II. MỘT SỐ CÂU TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đặc điểm nào của vị trí của Việt Nam về mặt tự nhiên làm cho khí hậu Việt Nam mang tính chất nhiệt đới:

- A. Nằm trong vùng nội chí tuyến.
- B. Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo.
- C. Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- D. Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật.

Câu 2: Nơi hẹp nhất theo chiều tây-đông của nước ta thuộc tỉnh thành nào?

- A. Quảng Nam
- C. Quảng Bình
- B. Quảng Ngãi
- D. Quảng Trị

Câu 3: Từ bắc vào nam, phần đất liền nước ta kéo dài khoảng bao nhiêu vĩ độ?

- A. 15⁰ vĩ tuyến
- C. 17⁰ vĩ tuyến
- B. 16⁰ vĩ tuyến
- D. 18⁰ vĩ tuyến

Câu 4: Đặc điểm của vị trí của Việt Nam về mặt tự nhiên:

- A. Nằm trên tuyến đường hàng hải, hàng không quan trọng của thế giới.
- B. Nằm trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương đây là khu vực có nền kinh tế phát triển năng động nhất trên thế giới.
- C. Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- D. Nằm trên các tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Á

Câu 5: Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là bao nhiêu?

- A. 40 000 km²
- B. 50 000 km²
- C. 60 000 km²
- D. 70 000 km²

Câu 6: Vùng núi Tây Bắc các dãy núi chạy theo hướng nào?

- A. Tây bắc – Đông Nam
- B. Tây - Đông
- C. Vòng cung
- D. Cả A, B,C đều đúng

Câu 7: Bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam là bộ phận nào?

- A. Đồi núi
- B. Ven biển
- C. Đồng bằng
- D. Cao nguyên

Câu 8: Ở Việt Nam, tỉnh nào có trữ lượng than nhiều ?

- A. Tỉnh Quảng Ninh
- C. Tỉnh Bình Thuận
- B. Tỉnh Điện Biên
- D. Khánh Hòa

Câu 9: Số giờ nắng nước ta nhận được mỗi năm là:

- A. 1300 – 4000 giờ trong năm. C. 1500 – 5000 giờ trong năm.
B. 1400 – 3000 giờ trong năm. D. 1900 – 5000 giờ trong năm.

Câu 10: Hằng năm, nước ta có lượng mưa trung bình:

- A. 1200 – 1800mm/năm. C. 1400 – 2200mm/năm.
B. 1300 – 2000mm/năm. D. 1500 – 2000mm/năm.

Câu 11: Ranh giới giữa hai miền khí hậu Bắc và Nam là dãy núi:

- A. Hoàng Liên Sơn Trường Sơn Bắc
C. Bạch Mã D.Trường Sơn Nam.

Câu 12: Ở nước ta, miền nào có mùa đông lạnh nhất?

- A. Miền Bắc B. Miền Trung C. Miền Nam D. Cả nước

Câu 13: Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chủ yếu là:

- A. Tây bắc-đông nam và tây đông C.Tây bắc-đông nam và vòng cung
B.Vòng cung và tây-đông D.Tây-đông và bắc- nam

Câu 14: Chế độ mưa thất thường đã làm cho sông ngòi nước ta có:

- A. Tổng lượng nước lớn. C. Chế độ dòng chảy thất thường.
B. Nhiều phù sa. D. Nhiều đợt lũ trong năm.

Câu 15: Mạng lưới sông ngòi nước ta có đặc điểm:

- A. Mạng lưới sông ngòi thưa thớt.
B.Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc, chủ yếu là các sông lớn.
C.Mạng lưới sông ngòi thưa thớt, phân bố rộng khắp.
D.Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp.

Câu 16: tổng lượng phù sa trôi theo dòng nước là bao nhiêu?

- A. 100 triệu tấn B. 200 triệu tấn C. 300 triệu tấn D. 400 triệu tấn

Câu 17: Theo thống kê, nước ta có bao nhiêu con sông dài trên 10 km?

- A. 2360 B. 3260 C. 2306 D. 3620

Câu 18: Hệ thống sông lớn nhất Đông Nam Á:

- A. Sông Mê Công B.Sông Hồng
C.Sông Mã D.Sông Đồng Nai

Câu 19: Đầu nguồn nước của các con sông ở nước ta thường ở:

- A. Vùng núi cao B.Vùng trung du
C.Các đồng bằng D.Vùng đồi núi thấp

Câu 20: Khó khăn chủ yếu trong việc sử dụng đất nông nghiệp ở miền đồi núi nước ta là

- A.Đất dễ bị ngập úng. B. Đất dễ bị xói mòn, rửa trôi.

C. Đất dễ bị xâm nhập mặn Đất chua, nhiễm phèn. D. Đất bị nhiễm mặn.

